

## CHƯƠNG 4

### NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

1

10/9/2011

## I. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG (NHTW)

1. Sự ra đời và phát triển của NHTW
2. Các mô hình NHTW
3. Chức năng của NHTW

2

10/9/2011

### 1. Sự ra đời và phát triển của NHTW

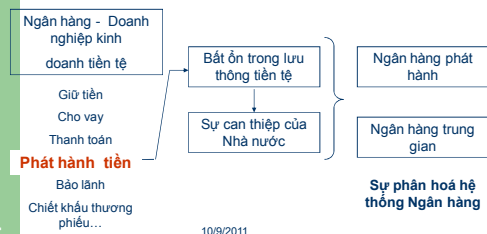
- Thế kỷ XV: ngân hàng - doanh nghiệp kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ: huy động tiền gửi, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, thương phiếu, phát hành tiền.
- Cuối thế kỷ XVIII: lưu thông hàng hóa được mở rộng phạm vi và quy mô. Nhiều NH phát hành nhiều loại giấy bạc khác nhau → cản trở quá trình phát triển kinh tế, NN không kiểm soát được tính chất đảm bảo của lượng tiền lưu thông → bất ổn lưu thông tiền tệ. → NN can thiệp (thiết lập trật tự và sự thống nhất cho việc phát hành tiền).
- Chỉ còn một số NH lớn được phát hành tiền kèm theo nghiệp vụ kinh doanh (NH phát hành), các NH khác chỉ được kinh doanh hoạt động tiền tệ và tín dụng, không được phép phát hành tiền.

3

10/9/2011

### 1. Sự ra đời và phát triển của NHTW

#### Thế kỷ 15 đến thế kỷ 19



4

10/9/2011

- Các NH không được phép phát hành tiền được quyền mở tài khoản và thanh toán bù trừ thông qua NH phát hành → NH phát hành trở thành trung tâm thanh toán.
- Hệ thống NH được phân thành 2 cấp: các NH phát hành và hệ thống các NH trung gian
- Cuối thế kỷ XIX: NN chỉ cho phép một NH phát hành uy tín nhất được quyền phát hành tiền. Các NH khác chuyển thành các NHTM.

5

10/9/2011

### Ví dụ: Anh

- 1694: quyền phát hành tiền tập trung vào 10 NH lớn nhất.
- 1844: chỉ duy nhất NH Anh (Bank of England) được phép phát hành tiền.



6

10/9/2011

## Ví dụ: Đức

- 1875: có 33 NH tư nhân được phép phát hành tiền, và đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất, quyền lực này sau đó được tập trung vào NH Đức (Bundesbank)



7

10/9/2011

## Hoàn thiện NHTW – đầu thế kỷ XX đến nay

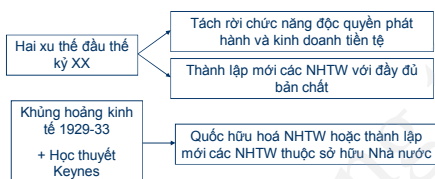
- Giai đoạn hoàn thiện hoạt động NHTW: tổ chức, chức năng, thành lập các NHTW mới.
  - Tách rời chức năng độc quyền phát hành tiền ra khỏi chức năng kinh doanh tiền tệ trực tiếp. NH phát hành chỉ được phép phát hành tiền mà không còn được kinh doanh tiền tệ. Từ năm 1920: hàng loạt NHTW mới được thành lập.
  - Khủng hoảng tài chính tiền tệ 1920-1933 + học thuyết Keynes (vai trò quản lý vĩ mô của NN): quốc hữu hóa hoặc thành lập mới NH phát hành thuộc sở hữu NN (NH Anh quốc hữu hóa 1947, NHTW Pháp 1946, NHTW Canada 1938, NHTW Đức 1939)

8

10/9/2011

## 1. Sự ra đời và phát triển của NHTW

Từ đầu thế kỷ 20 đến nay



9

10/9/2011

## 2. Các mô hình NHTW

NHTW độc lập Chính phủ

NHTW trực thuộc Chính phủ



Lựa chọn mô hình nào?

10/9/2011

10

## NHTW trực thuộc Chính phủ

- NHTW nằm trong nội các CP, chịu sự chỉ phối trực tiếp về nhân sự, tài chính, và các quyết định liên quan đến việc xây dựng và thực thi CSTT.
- Áp dụng tại Châu Á và các nước XHCN trước đây.

11

10/9/2011

## NHTW độc lập Chính phủ

- NHTW quyết định việc xây dựng và thực hiện CSTT mà không bị ảnh hưởng bởi các áp lực chi tiêu của ngân sách hoặc các áp lực chính trị khác.
- Chính phủ và NHTW chỉ có quan hệ hợp tác chứ không có quan hệ chi phối.
- Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), NHTW Thụy Sĩ, NHTW Châu Âu (ECB)

12

10/9/2011

## So sánh

- NHTW độc lập CP thực hiện CSTT tốt hơn, đảm bảo giá trị đồng tiền và kiềm chế lạm phát.
- NHTW trực thuộc CP có thể phải chịu sức ép của CP để tài trợ các khoản thâm hụt NS. Điều này có thể gây áp lực lạm phát.
- NHTW trực thuộc CP: kết hợp hài hòa, hiệu quả cả chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Hướng CSTT đến các mục tiêu dài hạn.

13

10/9/2011



## Độc lập hay trực thuộc?

<i>Độc lập</i>	<i>Trực thuộc</i>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Giảm lạm phát</li><li>- Tránh được các “chu kỳ kinh tế chính trị”</li><li>- Không phải chịu sức ép chính phủ (in tiền...)</li><li>- NHTW hoạt động vì lợi ích của nhân dân hơn là vì lợi ích của một nhóm chính trị gia</li><li>- Chủ động thực hiện CSTT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ai sẽ giám sát NHTW?</li><li>- Phối hợp tốt các chính sách</li></ul>

14

XU THẾ HIỆN NAY?

## 3. Các chức năng của NHTW

- 3.1. Độc quyền phát hành tiền
- 3.2. Ngân hàng của các Ngân hàng
- 3.3. Ngân hàng của Chính phủ
- 3.4. Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng
- 3.5. Xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ

15

10/9/2011

## 3.1. Độc quyền phát hành tiền



- Chức năng cơ sở
- Tiền do NHTW phát hành là phương tiện thanh toán hợp pháp duy nhất và thanh toán không hạn chế.

16

10/9/2011

### Các nguyên tắc phát hành tiền:

- a. Dựa trên cơ sở đảm bảo bằng trữ kim (vàng)
- b. Dựa trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu tiền tệ của nền kinh tế.

17

10/9/2011

### Phát hành tiền dựa trên cơ sở đảm bảo bằng vàng (trữ kim)

- Việc phát hành giấy bạc NH phải được đảm bảo bằng vàng hiện hữu trong kho của NHTW. NHTW phải đảm bảo việc tự do đổi giấy bạc NH ra vàng khi có yêu cầu.
  - NN quy định một hạn mức phát hành: (trong hạn mức: đảm bảo bằng chứng khoán Chính phủ; quá hạn mức: 100% vàng) → thiếu hụt tiền tệ trong lưu thông.
  - Quy định mức tối đa lượng giấy bạc trong lưu thông và không quy định mức dự trữ vàng làm đảm bảo cho lượng giấy bạc đó.
  - Quy định mức dự trữ vàng tối thiểu cho khối lượng giấy bạc phát hành: phần còn lại được đảm bảo bằng các thương phiếu, chứng khoán Chính phủ và các tài sản Có khác.

18

10/9/2011

### Nguyên tắc phát hành tiền dựa trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu tiền tệ của nền kinh tế

- Việc phát hành tiền không phụ thuộc vào khối lượng vàng.
- Ưu điểm: linh hoạt, căn cứ vào nhu cầu tiền tệ của nền KT và được phát hành trên cơ sở khối lượng hàng hóa, dịch vụ.

19

10/9/2011

### Kênh phát hành tiền

- Cho Chính phủ vay: NHTW thường yêu cầu CP phải có tài sản thế chấp.
- Phát hành qua nghiệp vụ thị trường mở
- Phát hành qua các NH trung gian: cho vay tái chiết khấu
- Phát hành qua thị trường vàng và ngoại tệ: NHTW tham gia thị trường ngoại tệ để nhằm nắm giữ ngoại hối, điều chỉnh tỷ giá. Đồng thời với việc mua vàng, ngoại tệ, NHTW thực hiện việc phát hành trực tiếp tiền ra lưu thông.

20

10/9/2011

### 3.2. Ngân hàng của các Ngân hàng

#### 3.2.1 Mở tài khoản và nhận tiền gửi của các NHTM:

- Dự trữ bắt buộc: là số tiền mà các NH phải duy trì trong một tài khoản không hưởng lãi đặt tại NHTW.



Tại sao phải quy định dự trữ bắt buộc?

21

10/9/2011

- Đảm bảo khả năng thanh toán trước nhu cầu rút tiền mặt của khách hàng, đảm bảo an toàn cho hệ thống NHTM.
- Công cụ của CSTT:
  - Tiền gửi thanh toán: Khoản tiền gửi của các NH tại NHTW để đảm bảo nhu cầu chi trả trong thanh toán giữa các NH khác hoặc nhu cầu giao dịch với NHTW.

22

10/9/2011

#### 3.2.2 Cho vay đối với các NHTM

- Tái chiết khấu các chứng khoán ngắn hạn do các NHTM nắm giữ.
- NHTW đảm bảo an toàn của hệ thống NH: NHTW = người cho vay cuối cùng. Khi 1 NH có nguy cơ phá sản và sự phá sản đó có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của hệ thống NH, NHTW có thể can thiệp, cung cấp tín dụng.

23

10/9/2011

#### 3.2.3 Trung gian thanh toán giữa các NH

- NHTM có thể thực hiện thanh toán với nhau trên tài khoản mở tại NHTW.
- NHTW - trung tâm thanh toán bù trừ giữa các NHTM

24

10/9/2011

### 3.3. Ngân hàng của Chính phủ

- Nhận tiền gửi của Kho bạc, tổ chức thanh toán cho kho bạc NN, quản lý dự trữ Quốc gia.
- Cho ngân sách vay khi cần thiết
- Cố vấn cho Chính phủ về các chính sách Tài chính – Tiền tệ
- Đại diện NN trong các quan hệ với nước ngoài trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng và NH
- Cho Chính phủ vay khi cần thiết
- Đảm bảo sự ổn định của hệ thống NH

25

10/9/2011

### II. QUÁ TRÌNH CUNG ỨNG TIỀN TỆ



Các chủ thể trong quá trình cung ứng tiền tệ

26

10/9/2011

### NHTW

#### Bản cân đối kế toán của NHTW

<u>Tài sản có</u>	<u>Tài sản nợ</u>
- Chứng khoán - Các khoản cho vay đối với Ngân hàng thương mại	- Tiền trong lưu thông (C) - Dự trữ của các ngân hàng thương mại (R)
	$MB = C + R$

Kiểm soát MB?

27

10/9/2011

#### Tài sản nợ:

- Tiền mặt trong lưu thông (C): lượng tiền trong lưu thông nằm trong tay dân chúng.
- Dự trữ ngân hàng (R): dự trữ tại NHTM và dự trữ của NHTM tại NHTW

#### Tài sản có:

- Chứng khoán CP: chứng khoán CP do kho bạc phát hành. NHTW cung cấp vốn cho hệ thống ngân hàng bằng cách mua chứng khoán, tăng số chứng khoán CP nắm giữ. Chứng khoán tăng, cung tiền tăng.
- Các khoản vay chiết khấu: NHTW có thể cho NHTM vay thông qua việc tái chiết khấu các chứng từ có giá. Khoản vay chiết khấu tăng, lượng tiền cung ứng tăng.

28

10/9/2011

### NHTW - Kiểm soát lượng tiền cơ sở

#### Kiểm soát lượng tiền cơ sở:

- Nghiệp vụ thị trường mở:
  - + Mua/bán CK với NHTM
  - + Mua/bán CK với tổ chức phi ngân hàng
- Cho vay chiết khấu

29

10/9/2011

### Quá trình tạo tiền gửi – Mô hình đơn giản

Table 1. Creation of Deposits (assuming 10% reserve requirement and a \$100 increase in reserves)

Bank	Increase in Deposits (\$)	Increase in Loans (\$)	Increase in Reserves (\$)
Fed. Reserve	0.00	100.00	0.00
A	100.00	90.00	10.00
B	90.00	81.00	9.00
C	81.00	72.90	8.10
D	72.90	65.61	7.29
E	65.61	59.05	6.56
F	59.05	53.14	5.91
G	53.14	47.83	5.31
H	47.83	43.05	4.78
Total for all banks	1,000.00	1,000.00	100.00

30

### Quá trình tạo tiền gửi – Mô hình đơn giản

- Số nhân tiền gửi đơn giản:

$$m = \frac{1}{r}$$

Hạn chế của mô hình đơn giản: WHAT IF ?

- Nếu người vay tiền giữ tiền mặt mà không gửi hết vào NH?
- Nếu NH không cho vay hết trữ?

31

10/9/2011

### Mô hình cung tiền và số nhân tiền tệ

Số nhân tiền m:  $MS = m \cdot MB$



$$MB = R + C = (rD) + ER + C$$

$$MB = rD + eD + cD = (r + e + c)D \quad \begin{matrix} e = (ER/D) \\ c = (C/D) \end{matrix}$$

$$D = \frac{1}{r + e + c} MB$$

$$M = C + D = cD + D = D(1 + c) = \frac{1 + c}{r + e + c} MB$$

$$m = \frac{1 + c}{r + e + c}$$

32

10/9/2011

- Số nhân tiền tệ: lượng cung tiền sẽ thay đổi như thế nào khi tiền cơ sở thay đổi. Số nhân tiền tệ phản ánh ảnh hưởng của các nhân tố khác ngoài lượng tiền cơ sở lên lượng cung tiền.
- VD: quyết định của người gửi tiền về việc giữ tiền hay gửi tiền vào ngân hàng, tỷ lệ dự trữ bắt buộc của NHTW, dự trữ vượt mức của các NHTM...

33

10/9/2011

### Các nhân tố ảnh hưởng đến m

- Thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc  $r$
- Thay đổi tỷ lệ nắm giữ tiền mặt/tiền gửi  $c$
- Thay đổi tỷ lệ dự trữ vượt mức  $e$



Mở rộng:

Những nhân tố nào ảnh hưởng đến  $r$ ,  $c$  và  $e$ ?

34

10/9/2011

### Dự trữ bắt buộc

- Số nhân tiền tệ và lượng cung tiền tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Dự trữ bắt buộc tăng trong khi những nhân tố khác không thay đổi → NHTM sẽ cần nhiều dự trữ hơn → giảm các khoản cho vay, do đó làm giảm lượng tiền gửi vào NH được tạo ra và giảm lượng cung tiền.

Lượng cung tiền giảm khi MB vẫn giữ nguyên → số nhân tiền tệ giảm.

35

10/9/2011

### Tỷ lệ nắm giữ tiền mặt/ tiền gửi

- Số nhân tiền tệ và lượng cung tiền tỷ lệ nghịch với tỷ lệ nắm giữ tiền mặt/tiền gửi.

Tỷ lệ nắm giữ tiền mặt/tiền gửi tăng có nghĩa người gửi tiền chuyển một số tiền gửi thành tiền mặt. Tiền gửi có tác động đến quá trình cung tiền trong khi tiền mặt thì không.

Khi người gửi tiền nắm giữ nhiều tiền mặt hơn, quá trình tạo tiền gửi sẽ giảm, lượng cung tiền và số nhân tiền tệ đều giảm.

36

10/9/2011

## Dự trữ vượt mức

- Số nhân tiền tệ và lượng cung tiền tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ vượt mức.

Khi ngân hàng tăng tỷ lệ dự trữ vượt mức, hệ thống NH sẽ phải cho vay ít hơn, làm giảm lượng tiền gửi được tạo ra, giảm lượng cung tiền và số nhân tiền tệ

37

10/9/2011

## III. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

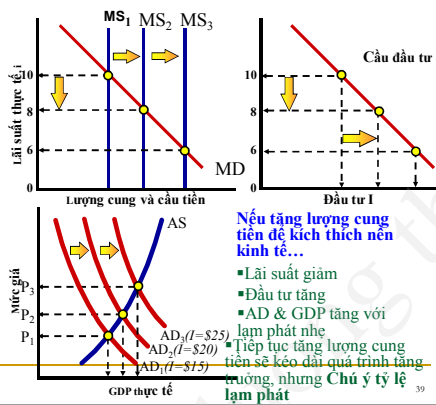
### 1. Khái niệm

Chính sách tiền tệ là một trong những chính sách kinh tế vĩ mô, trong đó NHTW thông qua các công cụ của mình tác động đến lãi suất hoặc khối lượng tiền cung ứng để đạt được những mục tiêu kinh tế xã hội đề ra

38

10/9/2011

## Chính sách tiền tệ và GDP



10/9/2011

39

## 2. Mục tiêu của Chính sách tiền tệ

- Ổn định giá trị đồng tiền
- Tăng trưởng kinh tế
- Tạo công ăn việc làm



Mối quan hệ giữa các mục tiêu?

40

10/9/2011

- Trong dài hạn, các mục tiêu của CSTT có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau.
- Trong ngắn hạn, các mục tiêu có thể mâu thuẫn với nhau.
- Khi nền KT tăng trưởng cao, tỷ lệ thất nghiệp giảm, lạm phát tăng.
- Tăng LS để kiềm chế lạm phát, thất nghiệp có thể tăng.

41

10/9/2011

## Đường cong Phillips



10/9/2011

42

## Mục tiêu trung gian của CSTT



Tiêu chuẩn chọn lựa mục tiêu trung gian:

- Có thể đo lường được
  - NHTW có thể kiểm soát được
  - Có quan hệ với mục tiêu cuối cùng
- Lượng cung tiền (MS) và  
Lãi suất (i)

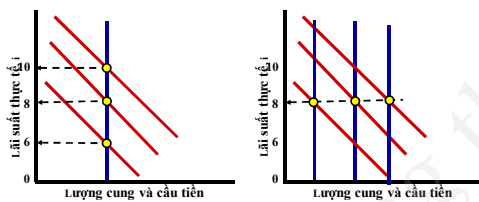
43

10/9/2011

10/9/2011

44

Có thể sử dụng cùng lúc MS và  $i$  làm mục tiêu trung gian không?



**KHÔNG**

10/9/2011

45

## 3. Các công cụ của CSTT

### 3.1. Các công cụ gián tiếp

- Nghiệp vụ thị trường mở
- Chính sách tái chiết khấu
- Dự trữ bắt buộc

46

10/9/2011

## Nghiệp vụ thị trường mở

Nghiệp vụ thị trường mở là nghiệp vụ trong đó NHTW mua bán chứng khoán trên thị trường mở để thay đổi dự trữ ngân hàng, từ đó tác động đến cơ sở tiền và lãi suất thị trường

- Công cụ quan trọng nhất của CSTT
- Nghiệp vụ mua vs. Nghiệp vụ bán
- Nghiệp vụ thị trường mở chủ động vs. Nghiệp vụ thị trường mở thụ động

47

10/9/2011

## Nghiệp vụ mua vào trên thị trường mở (open-market purchases)

- NHTW mua CK từ các NH và ghi có cho tài khoản dự trữ của các NH tại NHTW → tăng dự trữ NH, tăng số nhân tiền gửi → tăng cung tiền và lãi suất giảm.

48

10/9/2011



### Nghiệp vụ bán ra trên thị trường mở (open-market purchases)

- NHTW bán CK cho các NH và ghi nợ tài khoản dự trữ của các NH tại NHTW → giảm dự trữ, số nhân tiền tệ giảm, cung tiền giảm và LS tăng.

49

10/9/2011

### Nghiệp vụ thị trường mở năng động

- Làm thay đổi MB, thay đổi cung tiền và LS.
  - **Nghiệp vụ thị trường mở mở rộng:** mục tiêu kích thích tăng trưởng KT, giảm thất nghiệp: NHTW mua CK trên thị trường mở từ các NH làm lượng cung tiền tăng, LS giảm, dẫn đến đầu tư doanh nghiệp và tiêu dùng tăng → GDP tăng và tạo thêm công ăn việc làm.
  - **Nghiệp vụ thị trường mở thắt chặt:** với mục tiêu kiềm chế lạm phát: NHTW bán CK trên thị trường mở cho các NH làm lượng cung tiền giảm, LS tăng, tổng cầu giảm, giảm lạm phát.

50

10/9/2011

### Nghiệp vụ thị trường mở thụ động

- Bù lại những chuyển động của các nhân tố ảnh hưởng đến dự trữ của các NH, duy trì mức LS cơ bản hiện tại (Khi dự trữ của các NHTM tăng lên, để duy trì mức LS cơ bản, NHTW mua chứng khoán trên thị trường mở để giảm dự trữ của các NHTM và ngược lại).

51

10/9/2011

### Nghiệp vụ thị trường mở

#### Cơ chế tác động:

- Tác động đến dự trữ của các ngân hàng
- Tác động đến cung vốn trên thị trường tiền tệ, từ đó làm thay đổi lãi suất thị trường

#### Ưu điểm:

- NHTW kiểm soát hoàn toàn, không chịu ảnh hưởng các nhân tố khác
- Linh hoạt, chính xác, dễ đảo ngược
- Tác động tức thì

52

10/9/2011

### Chính sách tái chiết khấu

Chính sách tái chiết khấu là một công cụ của NHTW để thực hiện CSTT, trong đó NHTW cho các NH vay dưới hình thức chiết khấu các chứng khoán có giá ngắn hạn.

Cửa sổ chiết khấu  
Lãi suất chiết khấu

53

10/9/2011

- NHTW tác động đến khối lượng vay qua 2 cách: tác động đến giá cả các khoản vay (LS chiết khấu) hoặc đến khối lượng vay.

- Giá cả khoản vay: NHTW nâng LS chiết khấu, giá của các khoản vay tăng, hạn chế cho vay các NH, buộc các NH phải giảm bớt khả năng cung ứng tín dụng, lượng tiền cung ứng giảm. Khi NHTW giảm LS cho vay, giá các khoản vay rẻ, khuyến khích cho vay các NH, làm khả năng cung ứng tín dụng của các NH tăng, lượng tiền cung ứng tăng.

54

10/9/2011

- Khối lượng vay chiết khấu: khối lượng vốn NHTW cho các NH vay chiết khấu có thể mở rộng hoặc thu hẹp, ảnh hưởng đến khả năng tạo tiền của hệ thống NH, làm cho lượng tiền cung ứng thay đổi

55

10/9/2011

## Chính sách tái chiết khấu

### Cơ chế tác động

- Lãi suất chiết khấu
- Khối lượng cho vay

### Ưu điểm:

- Được đảm bảo bằng các chứng khoán có giá
- Thực hiện chức năng “người cho vay cuối cùng”

### Nhược điểm:

- NHTW không kiểm soát được hoàn toàn
- Không dễ đảo ngược

56

10/9/2011

## Dự trữ bắt buộc

*Dự trữ bắt buộc là số tiền mà các ngân hàng phải duy trì trong một tài khoản không hưởng lãi đặt tại NHTW. Mức dự trữ này do NHTW quy định và được xác định bằng một tỷ lệ nhất định trên tổng số dư tiền gửi của ngân hàng.*

57

10/9/2011

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng lên sẽ buộc các NH và các tổ chức nhận tiền gửi phải gửi nhiều tiền hơn ở NHTW, làm giảm lượng tiền có thể cho vay, giảm cung tiền và ngược lại.

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tác động đến LS cho vay của hệ thống NH. Tiền dự trữ bắt buộc đều phải mở tài khoản và gửi tại NHTW và không được hưởng lãi, cho dù các NHTM vẫn phải trả lợi tức cho các khoản tiền gửi ở NH mình. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đòi hỏi các NHTM phải tăng LS cho vay, giá các khoản cho vay đắt hơn, khả năng cho vay giảm xuống, lượng tiền cung ứng cũng giảm xuống.

58

10/9/2011

## Dự trữ bắt buộc

### Cơ chế tác động

- Tác động đến dự trữ của các ngân hàng
- Tác động đến lãi suất cho vay của các NH

### Ưu điểm

- Ảnh hưởng bình đẳng đến các ngân hàng
- Ảnh hưởng rất mạnh

### Nhược điểm

- Thiếu linh hoạt, khó đảo ngược
- Mất khả năng thanh toán ngay đối với các NH có dự trữ vượt mức quá thấp

59

10/9/2011

## 3.2. Các công cụ trực tiếp

- Hạn mức tín dụng
- Ấn định lãi suất
- Ấn định tỷ giá hối đoái

60

10/9/2011

## Hạn mức tín dụng

*Hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa mà NHTW buộc các tổ chức tín dụng phải tôn trọng khi cấp tín dụng cho nền kinh tế để hạn chế việc tạo tiền quá mức của các NHTM làm tăng tổng khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế.*

61

10/9/2011

## Hạn mức tín dụng

+ Hạn chế:

- Thiếu linh hoạt, không thể thay đổi thường xuyên vì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình kinh doanh của các NHTM.
- Việc xác định hạn mức tín dụng cho các NHTM rất khó, nhiều khi thiếu chính xác. Hạn mức tín dụng > nhu cầu tín dụng: công cụ không còn ý nghĩa. Ngược lại có thể đẩy LS lên cao, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của các NHTM, làm lệch lạc cơ cấu đầu tư của các NHTM, làm phát sinh các thị trường tài chính « ngầm » ngoài sự kiểm soát của NHTW

62

10/9/2011

## Án định lãi suất, khung lãi suất

- NHTW có thể trực tiếp quy định LS tiền gửi hoặc cho vay hoặc ấn định khung LS tiền gửi hoặc cho vay của các NHTM.
- Để tránh rủi ro, bảo vệ quyền lợi cho các NHTM, NHTW muốn kiểm soát LS vì LS có tác động mạnh đến tiết kiệm và đầu tư, qua đó tác động vào tăng trưởng KT và giá cả.

63

10/9/2011

• Hạn chế:

- NHTM mất đi tính linh hoạt và quyền tự chủ kinh doanh, triệt tiêu cạnh tranh;
- Có thể dẫn đến ứ đọng vốn ở NHTM nhưng lại thiếu vốn đầu tư hoặc khuyến khích dân cư dùng tiền vào dự trữ ngoại tệ, bất động sản trong khi NH bị hụt hẫng về tiền mặt cũng như nguồn vốn cho vay.

64

10/9/2011

## Án định tỷ giá hối đoái hoặc biên độ dao động của tỷ giá hối đoái

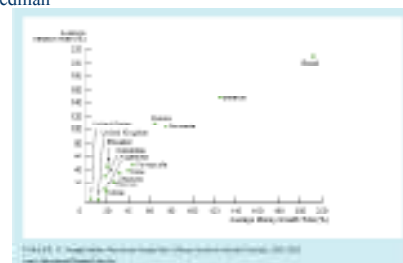
- Công cụ mang tính chất cứng nhắc, hành chính
- Chỉ nên sử dụng trong trường hợp khẩn cấp và thời gian ngắn

65

10/9/2011

## IV. TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT

“Lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ” – M. Friedman



66

## 1. Lạm phát

### Khái niệm

- Lạm phát là sự **tăng nhanh liên tục** của mức giá chung
- Lạm phát là hiện tượng tiền giấy mất giá **kéo dài và liên tục** so với hàng hoá, vàng và ngoại tệ

Phân biệt khái niệm lạm phát của các nhà kinh tế học và khái niệm lạm phát vẫn được sử dụng trên báo chí...

67

10/9/2011

## 1. Lạm phát

### Tính toán lạm phát

- Lạm phát được tính toán thông qua sự biến động của **chỉ số giá tiêu dùng - CPI**

$$\pi_k = \left( \frac{CPI_k}{CPI_{k-1}} - 1 \right) \times 100\%$$

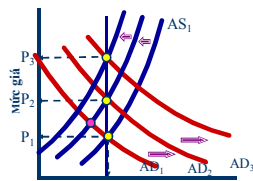
- Lạm phát còn có thể được tính toán thông qua chỉ số giá **PPI**, nhưng cách tính toán này không phổ biến

68

10/9/2011

## 2. Lạm phát - Hiện tượng tiền tệ?

### 2.1. Quan điểm của các nhà kinh tế học cổ điển



Theo các nhà kinh tế học cổ điển, lạm phát nhanh chỉ có thể xảy ra do tốc độ tăng cung tiền cao

69

10/9/2011

## 2. Lạm phát - Hiện tượng tiền tệ?

### 2.2. Quan điểm của các nhà kinh tế học trường phái Keynes

Cung tiền tăng nhanh → mức giá chung tăng nhanh liên tục  
→ LẠM PHÁT



Chính sách tài khoá → lạm phát ?

Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung → lạm phát ?

**KHÔNG**

70

10/9/2011

## 3. Nguồn gốc của chính sách tiền tệ lạm phát



### Tại sao lạm phát vẫn xảy ra?

Khi cố gắng thực hiện các mục tiêu khác, chính phủ có thể làm cho cung tiền tăng cao và dẫn đến lạm phát cao

\*Lạm phát do tăng cung tiền

\*Mục tiêu tạo công ăn việc làm và lạm phát

\*Thâm hụt ngân sách và lạm phát

\*Lạm phát theo tỷ giá hối đoái

71

10/9/2011

## Tác động của lạm phát

- Lãi suất**
- Thu nhập thực tế**
- Phân phối thu nhập không bình đẳng**
- Nợ quốc gia**

72

10/9/2011